

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MANGAN

*Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/09/2009
đã được Soát xét của Công ty Kiểm toán*

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét	04
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 17

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/09/2009.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mangan tiền thân là Xí nghiệp Mangan trực thuộc Tổng Công ty khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 1299/QĐ-UB-DN ngày 06 tháng 12 năm 2005 của UBND Tỉnh Hà Tĩnh.

Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 280300027 ngày 28 tháng 03 năm 2006 và đăng ký sửa đổi lần thứ nhất ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh chuyển thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác, chế biến, thu mua quặng Mangan
- Kinh doanh mua, bán, chế biến sâu các loại sản phẩm từ quặng Mangan và sản phẩm đi kèm quặng Mangan, quặng Dôlômit, quặng sắt và phụ gia cho luyện thép
- Sửa chữa, bảo dưỡng, trung tu, đại tu các loại phương tiện vận tải đường bộ

Vốn điều lệ của Công ty là 12.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại Xóm 15, Xã Phú Lộc, Huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ kế toán và tại ngày lập Báo cáo tài chính bao gồm:

Ông Phạm Như Tâm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Lâm	Ủy viên
Ông Bùi Văn Minh	Ủy viên
Ông Nguyễn Trọng Tuyên	Ủy viên
Ông Đinh Quang Tuấn	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ kế toán và tại ngày lập báo cáo tài chính bao gồm:

Ông Nguyễn Đình Lâm	Giám đốc
Ông Đinh Quang Tuấn	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) chuyển đổi từ DNNN - Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) – Bộ Tài chính là đơn vị thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/09/2009 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2009

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc

Nguyễn Đình Lâm

Số :/2009/BC.KTTC-AASC.KT3

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/09/2009
của Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan được lập ngày 15/10/2009 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/09/2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2009 được trình bày từ trang 6 đến trang 19 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến nhận xét về các báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2009

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)
Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Quốc Dũng
Chứng chỉ KTV số: 0285/KTV

Cát Thị Hà
Chứng chỉ KTV số: 0725/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2009	01/01/2009
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		17.787.775.304	14.631.495.637
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		4.846.603.334	4.380.950.021
111	1. Tiền	3	4.846.603.334	4.380.950.021
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.602.503.746	1.542.884.884
131	1. Phải thu khách hàng		414.648.000	
132	2. Trả trước cho người bán		1.017.500.000	1.405.000.000
135	5. Các khoản phải thu khác	4	170.355.746	137.884.884
140	IV. Hàng tồn kho	5	11.240.758.304	8.686.511.577
141	1. Hàng tồn kho		11.240.758.304	8.686.511.577
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		97.909.920	21.149.155
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		97.909.920	21.149.155
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		6.118.480.733	6.164.697.947
220	II. Tài sản cố định		4.721.429.120	5.448.309.447
221	1. Tài sản cố định hữu hình	6	4.698.763.666	5.427.404.392
222	- Nguyên giá		14.892.342.660	13.489.288.211
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(10.193.578.994)	(8.061.883.819)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7	22.665.454	20.905.055
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.397.051.613	716.388.500
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	1.397.051.613	716.388.500
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		23.906.256.037	20.796.193.584

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/09/2009	01/01/2009
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		3.227.544.973	666.413.910
310	I. Nợ ngắn hạn		3.021.134.446	460.003.383
312	2. Phải trả người bán		290.991.658	214.093.820
313	3. Người mua trả tiền trước		1.397.759.980	96.109.178
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9	467.902.331	102.677.285
315	5. Phải trả người lao động		771.515.785	
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	10	92.964.692	47.123.100
330	II. Nợ dài hạn		206.410.527	206.410.527
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		206.410.527	206.410.527
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		20.678.711.064	20.129.779.674
410	I. Vốn chủ sở hữu	11	20.091.112.545	19.745.607.068
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		12.000.000.000	12.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.904.000.000	1.904.000.000
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		(539.365.085)	(539.365.085)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		1.944.293.606	855.421.779
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		703.810.102	295.483.167
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.078.373.922	5.230.067.207
430	II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác		587.598.519	384.172.606
431	1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		587.598.519	384.172.606
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		23.906.256.037	20.796.193.584

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2009

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/09/2009	01/01/2009
005	5. Ngoại tệ các loại (USD)		80.486,74	124.481,47

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 10 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Hoàng Thị Huyền

Nguyễn Đức Dũng

Nguyễn Đình Lân

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/09/2009

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Từ ngày 01/01 đến ngày 30/09/2009	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/09/2008
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	12	18.762.478.536	24.403.392.199
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	13	1.848.378.392	2.672.851.850
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	14	16.914.100.144	21.730.540.349
11	4. Giá vốn hàng bán	15	9.301.309.167	10.155.446.688
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.612.790.977	11.575.093.661
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16	138.828.145	323.478.882
22	7. Chi phí tài chính			15.938.800
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay			15.938.800
24	8. Chi phí bán hàng		2.144.175.986	3.927.742.914
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		1.933.551.502	2.680.962.472
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.673.891.634	5.273.928.357
31	11. Thu nhập khác		45.454.545	7.842.988
32	12. Chi phí khác			5.154.553
40	13. Lợi nhuận khác		45.454.545	2.688.435
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.719.346.179	5.276.616.792
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	17	325.442.790	738.726.352
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		3.393.903.389	4.537.890.440
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		2.896,01	3.835,22

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 10 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Hoàng Thị Huyền

Nguyễn Đức Dũng

Nguyễn Đình Lân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/09/2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/09/2009	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/09/2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	3.719.346.179	5.276.616.792
2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định	2.131.695.175	1.342.873.246
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	(138.828.145)	(138.576.233)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	5.712.213.209	6.480.913.805
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu	(136.379.627)	(769.900.258)
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho	(2.554.246.727)	(1.336.181.071)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	2.280.362.765	(459.213.273)
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước	(680.663.113)	(699.135.500)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(22.337.246)	
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	267.086.571	164.598.258
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(3.034.080.448)	(456.232.727)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	1.831.955.384	2.924.849.234
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(1.404.814.848)	(23.904.329)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	38.512.777	153.783.233
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(1.366.302.071)	129.878.904
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.027.683.539)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.200.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(3.227.683.539)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	465.653.313	(172.955.401)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	4.380.950.021	10.613.068.378
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4.846.603.334	10.440.112.977

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 10 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Hoàng Thị Huyền

Nguyễn Đức Dũng

Nguyễn Đình Lân

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/09/2009

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Mangan tiền thân là Xí nghiệp Mangan trực thuộc Tổng Công ty khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 1299/QĐ-UB-DN ngày 06 tháng 12 năm 2005 của UBND Tỉnh Hà Tĩnh.

Trụ sở chính của Công ty tại Xóm 15, Xã Phú Lộc, Huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là khai thác, xuất khẩu quặng thô Mangan.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 280300027 ngày 28 tháng 03 năm 2006 và sửa đổi lần 1 ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác, chế biến, thu mua quặng Mangan;
- Kinh doanh mua, bán, chế biến sâu các loại sản phẩm từ quặng Mangan và sản phẩm đi kèm quặng Mangan, quặng Dôlômit, quặng sắt và phụ gia cho luyện thép;
- Sửa chữa, bảo dưỡng, trung tu, đại tu các loại phương tiện vận tải đường bộ.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Theo quy định tại Thông tư số 08/2008/TT-BCT ngày 16 tháng 06 năm 2008 của Bộ Công Thương Về việc hướng dẫn xuất khẩu khoáng sản, từ tháng 09 năm 2008, Các đơn vị xuất khẩu quặng thô thuộc địa bàn Hà Tĩnh không được phép xuất khẩu. Do đó, thị trường tiêu thụ sản phẩm của đơn vị từ tháng 09 năm 2008 là thị trường nội địa. Tuy nhiên, theo Công văn số 4502/BCT-CNNg ngày 19/05/2009 của Bộ Công Thương đã đồng ý để Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan thuộc Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh được xuất khẩu tinh quặng mangan với số lượng 30.000 tấn, chất lượng cụ thể:

- Hàm lượng Mn : từ 18% đến 28%

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của các chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	07 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí đền bù;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 36 của Nghị định 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần, năm 2009, Công ty tiếp tục được giảm trừ 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài Chính về việc giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty Cổ phần Khoáng sản mangan được giảm trừ 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2009.

3 . TIỀN

	30/09/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	157.800.898	131.218.191
Tiền gửi ngân hàng	4.688.802.436	4.249.731.830
Cộng	4.846.603.334	4.380.950.021

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2009	01/01/2009
	VND	VND
Phải thu người lao động	-	-
Phải thu khác:	170.355.746	137.884.884
- Đặt cọc mua cổ phiếu quỹ tại Công ty Chứng khoán Hoàng Gia	25.566	137.884.884
- Công đoàn Công ty CP Khoáng sản Mangan	146.535.000	-
- Phải Thu BHXH Huyện Can Lộc	21.471.200	-
- Phải thu khác	2.323.980	-
Cộng	170.355.746	137.884.884

5 . HÀNG TỒN KHO

	30/09/2009	01/01/2009
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	2.643.478.941	1.780.229.795
Công cụ, dụng cụ	65.761.504	33.890.219
Thành phẩm	8.531.517.859	6.872.391.563
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	11.240.758.304	8.686.511.577

6 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	2.444.250.552	6.351.725.706	4.577.156.593	116.155.360	13.489.288.211
Số tăng trong kỳ	518.648.667	-	884.405.782	-	1.403.054.449
- Mua trong kỳ	-	-	11.600.000	-	11.600.000
- Xây dựng mới	518.648.667	-	872.805.782	-	1.391.454.449
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2.962.899.219	6.351.725.706	5.461.562.375	116.155.360	14.892.342.660
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	1.614.603.374	4.131.164.714	2.232.300.883	83.814.848	8.061.883.819
Số tăng trong kỳ	355.177.519	980.456.688	786.841.292	9.219.676	2.131.695.175
- Khấu hao trong kỳ	355.177.519	980.456.688	786.841.292	9.219.676	2.131.695.175
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	1.969.780.893	5.111.621.402	3.019.142.175	93.034.524	10.193.578.994
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	829.647.178	2.220.560.992	2.344.855.710	32.340.512	5.427.404.392
Tại ngày cuối kỳ	993.118.326	1.240.104.304	2.442.420.200	23.120.836	4.698.763.666
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng					752.893.439

7 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/09/2009	01/01/2009
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	22.665.454	20.905.055
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí xây dựng hội trường, tường rào	-	16.923.819
- Chi phí Xây dựng nhà xưởng Bắc Sơn	22.665.454	3.981.236
Cộng	22.665.454	20.905.055

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/09/2009	01/01/2009
	VND	VND
Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng xưởng	1.049.813.500	716.388.500
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	347.238.113	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	-
Cộng	1.397.051.613	716.388.500

9 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/09/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	29.249.200	59.511.873
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	323.002.911	19.897.367
Thuế thu nhập cá nhân	3.644.700	2.599.445
Thuế tài nguyên	35.638.120	20.668.600
Các loại thuế khác	76.367.400	-
Phí môi trường	-	-
Cộng	467.902.331	102.677.285

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

10 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
Kinh phí công đoàn	64.711.000	46.082.000
Bảo hiểm xã hội	5.722.205	-
Bảo hiểm y tế	914.487	-
Tổng Công ty TM& Khoáng sản Hà Tĩnh	21.617.000	-
<i>Các khoản phải trả khác</i>	-	1.041.100
Cộng	92.964.692	47.123.100

11 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Xem chi tiết Phụ lục 1

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/09/2009	Tỷ lệ	01/01/2009	Tỷ lệ
Vốn góp của Nhà nước	6.120.000.000	51,00%	6.120.000.000	51,00%
Vốn góp của các đối tượng khác	5.599.250.000	46,66%	5.599.250.000	46,66%
- Do pháp nhân nắm giữ	-		-	
- Do thể nhân nắm giữ	5.599.250.000	46,66%	5.599.250.000	46,66%
Cổ phiếu quỹ	280.750.000	2,34%	280.750.000	2,34%
Cộng	12.000.000.000	100%	12.000.000.000	100%

* Số lượng cổ phiếu quỹ 28.075

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/09/2009	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/09/2008
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	12.000.000.000	12.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	12.000.000.000	12.000.000.000

đ) Cổ phiếu

	30/09/2009	01/01/2009
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.200.000	1.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.200.000	1.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.200.000	1.200.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	28.075	28.075
- Cổ phiếu phổ thông	28.075	28.075
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.171.925	1.171.925
- Cổ phiếu phổ thông	1.171.925	1.171.925

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10 000 VND / cổ phiếu

e) Các quỹ của doanh nghiệp

	30/09/2009	01/01/2009
Quỹ đầu tư phát triển	1.944.293.606	855.421.779
Quỹ dự phòng tài chính	703.810.102	295.483.167
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
Cộng	2.648.103.708	1.150.904.946

f) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/09/2009	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/09/2008
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.393.903.389	4.537.890.440
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu PT:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu PT	3.393.903.389	4.537.890.440
- Cổ phiếu PT đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.171.925	1.183.215
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.896,01	3.835,22

12 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/09/2009 VND	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/09/2008 VND
Doanh thu bán các thành phẩm	18.762.478.536	24.403.392.199
Cộng	18.762.478.536	24.403.392.199

13 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/09/2009 VND	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/09/2008 VND
Thuế xuất khẩu	1.848.378.392	2.672.851.850
Cộng	1.848.378.392	2.672.851.850

14 . DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/09/2009 VND	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/09/2008 VND
Doanh thu thuần bán các thành phẩm	16.914.100.144	21.730.540.349
Cộng	16.914.100.144	21.730.540.349

15 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/09/2009 VND	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/09/2008 VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	-	-
Giá vốn của thành phẩm đã bán	9.301.309.167	10.155.446.688
Cộng	9.301.309.167	10.155.446.688

16 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/09/2009 VND	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/09/2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	38.512.777	323.478.882
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	100.315.368	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Cộng	138.828.145	323.478.882

17 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/09/2009 VND	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/09/2008 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.719.346.179	5.276.616.792
Lãi (Lỗ) chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Lợi nhuận chịu thuế TNDN	3.719.346.179	5.276.616.792
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế	464.918.272	738.726.351
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (25% x 50%)	464.918.272	738.726.351
Chi phí thuế TNDN được giảm trừ theo Thông tư 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài Chính	139.475.482	-
Cộng	325.442.790	738.726.351

18 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/09/2009 VND	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/09/2008 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.524.831.929	2.846.886.731
Chi phí nhân công	4.051.027.785	4.651.246.973
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.131.695.175	2.015.206.717
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.790.428.863	4.307.683.383
Chi phí khác bằng tiền	3.355.794.899	3.760.079.335
Cộng	14.853.778.651	17.581.103.139

19 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan.

Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/09/2009 VND	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/09/2008 VND
Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh	Công ty mẹ		
- Hỗ trợ tiền lương		481.727.000	79.220.000
- Trả tiền lãi vay			15.207.000
- Trả nợ vay ngắn hạn, dài hạn			2.027.683.539
- Nhập sản phẩm			95.069.800
- Chi trả cổ tức		1.224.000.000	825.000.000
- Chi phí phải trả khác		139.040.000	6.755.600

20 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 10 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Hoàng Thị Huyền

Nguyễn Đức Dũng

Nguyễn Đình Lân

Phụ lục 1 : Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ trước	12.000.000.000	1.904.000.000	(176.850.000)	164.000.000	36.200.000	1.711.893.448	15.639.243.448
- Tăng vốn trong kỳ trước	-	-	(362.515.085)	691.421.779	259.283.167	-	588.189.861
- Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	5.066.029.569	5.066.029.569
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong kỳ trước	-	-	-	-	-	1.452.610.279	1.452.610.279
- Lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	95.245.531	95.245.531
Số dư cuối kỳ trước	12.000.000.000	1.904.000.000	(539.365.085)	855.421.779	295.483.167	5.230.067.207	19.745.607.068
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	1.088.871.827	408.326.935	-	1.497.198.762
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	3.393.903.389	3.393.903.389
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	4.385.484.674 (*)	4.385.484.674
- Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	160.112.000	160.112.000
Số dư cuối kỳ này	12.000.000.000	1.904.000.000	(539.365.085)	1.944.293.606	703.810.102	4.078.373.922	20.091.112.545

(*) Trong năm 2009, Công ty Cổ phần Khoáng Sản Mangan đã phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2008 theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 24 tháng 03 năm 2009 như sau:

Chia cổ tức (20%/cổ phần)	4.385.484.674
Trích quỹ đầu tư phát triển	2.343.850.000
Trích quỹ dự phòng tài chính	1.088.871.827
Trích quỹ khen thưởng	408.326.935
Trích quỹ phúc lợi	272.217.956
	272.217.956